

Số: 152/TB-MNHM

Long Biên, ngày 13...tháng 7...năm 2023

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai bảng lương hè tháng 6 năm 2023.

- Căn cứ thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

- Căn cứ vào bảng lương hè tháng 6 năm 2023 của trường Mầm non Hoa Mai;

1. Thành phần thực hiện niêm yết công khai:

- | | |
|---------------------------|-----------------------------|
| • Bà Trần Thị Nghĩa Quỳnh | Hiệu trưởng(Chủ trì) |
| • Bà Trần Thị Xuân Nhạn | Phó Hiệu trưởng - CTCD |
| • Bà Đào Thị Hải Yến | Phó Hiệu trưởng |
| • Bà Đặng Thị Lan Anh | TTVP |
| • Bà Đào Thanh Huệ | Phó CTCD |
| • Bà Chu Thị Huế | Trưởng Ban TTND |
| • Ông Nguyễn Văn Trung | Tổ trưởng tổ Bảo vệ |
| • Bà Nguyễn Thị Huệ | Tổ trưởng chuyên môn -KTMNL |
| • Bà Nguyễn Thị Hường | Tổ trưởng tổ nuôi |
| • Bà Đỗ Thị Thu Huyền | Khối trưởng MGN |
| • Bà Nguyễn Thị Quỳnh | Khối trưởng NGB |
| • Bà Phạm Phương Linh | BTCĐ |
| • Dương Thị Hương Quỳnh | Kế toán (Thư ký) |

2. **Nội dung công khai:** Công khai danh sách chi cho CBGVNV hè tháng 6 năm 2023 (Có bảng lương kèm theo)

3. **Hình thức niêm yết:** Thông báo trước ban liên tịch và thông báo tới toàn thể CBGVNV nhà trường.

4. **Địa điểm niêm yết:** Niêm yết tại bảng công khai tuyên truyền của nhà trường (Tầng 1 – Khu hiệu bộ)

5. **Thời gian niêm yết:** Từ ngày 13 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 23 tháng 8 năm 2023.

6. Địa chỉ nhận ý kiến phản hồi: Trong suốt thời gian công khai nếu có thắc mắc liên hệ trực tiếp qua SĐT 0968726466 (Đ/c Quỳnh – Kế toán) hoặc gửi thư về hòm thư điện tử: mnhoamai@longbien.edu.vn.

Nơi nhận:

- Ban công khai
- CBGVNV
- Lưu;



HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Nghĩa Quỳnh

LON
TİM
AIA
*

DANH SÁCH LƯƠNG HỀ ĐƠN VỊ THÁNG 6/2023

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY CÔNG	LƯƠNG HỀ	TỔNG	Ghi chú
	1	2	3	5	6	7
1	TRẦN THỊ NGHĨA QUỲNH	HT	11.0	2,168,606	2,168,606	
2	TRẦN THỊ XUÂN NHẠN	PHT	15.5	3,055,763	3,055,763	
3	ĐÀO THỊ HẢI YẾN	PHT	0.0	-	-	
4	CHU THỊ HUỆ	GV	7.5	1,478,595	1,478,595	
5	CHU THỊ ĐÀO	GV	11.0	2,168,606	2,168,606	
6	ĐỖ THỊ THU HUYỀN	GV	12.0	2,365,752	2,365,752	
7	TRẦN THỊ ÁNH	GV	12.0	2,365,752	2,365,752	
8	TRẦN THỊ HOÀI PHƯƠNG	GV	12.0	2,365,752	2,365,752	
9	HOÀNG THỊ HUYỀN	GV	11.5	2,267,179	2,267,179	
10	NGUYỄN THỊ HUỆ	GV	12.0	2,365,752	2,365,752	
11	VŨ THANH THUỶ	GV	12.0	2,365,752	2,365,752	
12	TRẦN THỊ HUYỀN	GV	11.0	2,168,606	2,168,606	
13	NGUYỄN THỊ QUỲNH	GV	13.0	2,562,898	2,562,898	
14	HOÀNG THU HỒNG	GV	14.0	2,760,044	2,760,044	
15	ĐÀO THỊ HỒNG PHƯƠNG	GV	12.0	2,365,752	2,365,752	
16	ĐÀO THANH HUỆ	GV	12.0	2,365,752	2,365,752	
17	LƯU THỊ MAI VÂN	GV	12.0	2,365,752	2,365,752	
18	NGUYỄN THỊ NGỌC MAI	GV	12.0	2,365,752	2,365,752	
19	PHẠM PHƯƠNG LINH	GV	11.0	2,168,606	2,168,606	
20	NGUYỄN THỊ HÀ	GV	13.0	2,562,898	2,562,898	
21	VŨ THỊ LƯƠNG	GV	11.5	2,267,179	2,267,179	
22	NGUYỄN HOÀNG NGUYỄN	GV	9.5	1,872,887	1,872,887	
23	ĐẶNG THU HUỆ	GV	12.0	2,365,752	2,365,752	
24	NGUYỄN THỊ HỒNG YẾN	GV	12.0	2,365,752	2,365,752	
25	TRẦN THỊ THÚY VÂN	GV	12.0	2,365,752	2,365,752	
26	LÊ THÚY HƯỜNG	GV	2.0	394,292	394,292	
27	ĐẶNG THỊ TRÀ GIANG	GV	12.0	2,365,752	2,365,752	
28	HOÀNG NHẬT THƯƠNG	GV	11.0	2,168,606	2,168,606	
29	NGUYỄN THANH THÚY	GV	11.5	2,267,179	2,267,179	
30	NGUYỄN THỊ THU HÀ (YTẾ)	YT	7.0	1,380,022	1,380,022	
31	ĐẶNG THỊ LAN ANH	VT	11.5	2,267,179	2,267,179	
32	NGUYỄN THỊ HẢI ANH	GV	12.0	2,365,752	2,365,752	
33	NGUYỄN VĂN TƯỜNG	BV	17.0	800,000	800,000	
34	NGUYỄN VĂN TRUNG	BV	0.0	800,000	800,000	
35	PHẠM VĂN DƯƠNG	BV	17.0	800,000	800,000	
36	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	CN	12.0	2,365,752	2,365,752	
37	BÙI THỊ KIM THANH	CN	14.0	2,760,044	2,760,044	
38	NGUYỄN THỊ YẾN	CN	0.0	-	-	
39	NGUYỄN THỊ MINH HIỀN	CN	11.5	2,267,179	2,267,179	
40	NGUYỄN VĂN QUYẾT	CN	10.0	1,971,460	1,971,460	

41	LÊ THỊ HẠNH	CN	12.0	2,365,752	2,365,752	
42	ĐỖ THỊ THÚY NHẬN	CN	14.0	2,760,044	2,760,044	
43	LƯU THỊ MÃO	CN	11.0	2,168,606	2,168,606	
44	DƯƠNG THỊ HƯƠNG QUỲNH	KT	13.5	2,661,490	2,661,490	
	TỔNG CỘNG		482.5	90,820,000	90,820,000	

NGƯỜI LẬP



Dương Thị Hương Quỳnh

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Nghĩa Quỳnh